TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày 14-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đức Thọ;

Ông Hà Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo :

Họ và tên: **Hà Văn S** (tên gọi khác: không);

Sinh ngày 14 tháng 10 năm 1966; tại: huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: xóm M, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá (học vấn): 6/10;

Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Hà Văn P, sinh năm 1934 và bà Hà Thị P (đã chết) ;

Có vợ là Hà Thị H và 03 con;

Tiền án, tiền sự: Không,

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị bắt, tạm giam ngày 01/12/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Phú Thọ.

(có mặt)

- *Người bào chữa cho Bị cáo*: Ông Lã Thành C – Trợ giúp viên thuộc Trung NLC3 trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

- *Bị hại*: Anh Đoàn Ngọc T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, NLC1 vụ liên quan đến vụ án*:

+ Chị Phan Thị Thúy L, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: xóm M, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Hồng NLC1, sinh năm 1990 (có mặt)

2. Anh Hà Đức NLC2, sinh năm 1989 (có mặt)

3. Anh Hà Văn NLC3, sinh năm 1992 (có mặt)

4. Ông Hà Thượng NLC4, sinh năm 1966 (vắng mặt)

5. Chị Hà Thị NLC5, sinh năm 1981 (có mặt)

6. Chị Hà Thị NLC6, sinh năm 1964 (có mặt)

Đều cư trú tại: xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Khoảng 11 giờ ngày 29/1/2017, Ban Công an xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ nhận được đơn trình báo của chị Phan Thị Thúy L về việc bị mất trộm 01 bao tải lúa. Chị L nghi ngờ là do Hà Văn S lấy trộm. Sau khi nhận được tin báo, anh Đoàn Ngọc T là trưởng Ban công an xã V đã báo cáo đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xin ý kiến chỉ đạo. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V đã ra Quyết định số: 104/QĐ-UBND thành lập tổ công tác gồm 04 đồng chí công an xã do anh Đoàn Ngọc T là tổ trưởng tiến hành xác minh giải quyết vụ trộm cắp xảy ra tại xóm M, xã V.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, tổ công tác của Ban công an xã do anh Đoàn Ngọc T làm tổ trưởng, anh Lê Hồng NLC1 – Phó Công an xã là tổ phó, anh Hà Đức NLC2 –

Công an viên thường trực là tổ viên, anh Hà Văn NLC3 – công an viên xóm M là tổ viên, cùng đi đến nhà Hà Văn S để chuyển giấy mời S ra Ủy ban nhân dân xã làm việc. Trong tổ công tác có anh Hà Văn NLC3 công an viên xóm M mặc trang phục Công an xã. Khi đến nhà Hà Văn S, anh NLC3 giới thiệu thành phần Tổ công tác với S; anh T giới thiệu mình là Trưởng công an xã và thông báo nội dung đồng thời đưa giấy mời S ra trụ sở Ủy ban nhân dân xã để làm việc liên quan đến vụ việc chị Phan Thị Thúy L bị mất trộm lúa. Khi đó, Hà Văn S đứng ở trong buồng tay phải cầm một con dao tông (loại dao rựa bằng kim loại có chuôi bằng nhựa, có chiều dài: 41cm, phần lưỡi dài: 29cm, chỗ rộng nhất: 07cm, phần chuôi dài: 12cm, dao có 01 lưỡi sắc, đầu bằng) nói với Tổ công tác "*Chúng mày về đi, tao không có tội gì. Tao không đi đâu*". Anh T tiến lại gần để vận động, yêu cầu S cất dao đi và ra Ủy ban nhân dân xã để làm việc thì bất ngờ S vung dao lên chém vào vùng đầu bên trái của anh T. Hậu quả làm anh T bị thương tại vùng thái dương đỉnh trái dài 12cm, hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, bờ vết thương sắc gọn, phải đi cấp cứu tại Trung Tâm y tế huyện T.

Trong quá trình điều tra, tại các Biên bản lấy lời khai hồi 20 giờ, 21 giờ ngày 29/11/2017 (có sự chứng kiến của chị Hà Thị NLC6 là vợ Bị cáo), hồi 14 giờ ngày 30/11/2017; Biên bản hỏi cung ngày 01/12/2017 bị cáo Hà Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Biên bản hỏi cung ngày 12/01/2018, ngày 25/01/2018 khi được hỏi về nhân thân, các tình tiết của vụ án, bị cáo S đều trả lời không chính xác; cùng một câu hỏi, nội dung trả lời sau không trùng khớp với nội dung trả lời trước. Biểu hiện thần thái của Bị cáo không bình thường, tự nói lảm nhảm không thành lời, mắt luôn nhìn xuống đất.

Tại phiên tòa, khi được hỏi về lý lịch, nhân thân, diễn biến hành vi, Bị cáo trả lời không rõ ý, có câu trả lời được, có câu hỏi Bị cáo không nhớ để trả lời. Sau khi nghe công bố lời khai tại cơ quan điều tra, Bị cáo thừa nhận các lời khai và chữ ký của Bị cáo tại các Biên bản là đúng. Bị cáo thừa nhận Bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai, Bị cáo không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa những Người làm chứng: chị Hà Thị NLC5, anh Lê Hồng NLC1, Hà Đức NLC2, Hà Văn NLC3 đều khai nhận diễn biến hành vi của Hà Văn S như đã đêu ở trên, nhìn thấy Bị cáo S cầm dao chém vào đầu anh Đoàn Ngọc T. Chị Hà Thị NLC6 (là vợ bị cáo S) thừa nhận con dao được miêu tả như Bản cáo trạng mà Bị cáo dùng để chém vào đầu anh T là con dao của nhà chị. Chị NLC6 xác nhận chị chứng kiến việc lấy lời khai, hỏi cung của Công an huyện Tân Sơn với bị cáo S là hoàn NLC2 khách quan, ghi đúng lời khai của bị cáo S.

2. Về các vấn đề khác của vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án, Khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với Hà Văn S về tội "Chống người thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 257 của bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 15/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định số: 09 trưng cầu giám định mức độ tổn hại sức khỏe đối với anh Đoàn Ngọc T. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 266/TgT/2017/GĐPY ngày 18/12/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Phú Thọ kết luận: Tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe của anh Đoàn Ngọc T là 18%.

Quá trình điều tra nhận thấy Hà Văn S có biểu hiện bất thường về mặt tâm thần. Ngày 13/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định tâm thần số 07. Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 98/2018/PYTT ngày 09/01/2018 của trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc kết luận: *"Hà Văn S bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paranoid (theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi – F20.0); Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 29/11/2017 Hà Văn S bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paranoid, hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; Hiện tại Hà Văn S hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi".*

Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xác định hành vi của Hà Văn S đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017 – nay gọi là Bộ luật hình sự năm 2015). Căn cứ Điều 36, khoản 1 Điều 180 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01 và Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can số 01 cùng ngày 12/01/2018 đối với Hà Văn S từ tội "Chống người thi hành công vụ" quy định tại Điều 257 của Bộ luật hình sự năm 1999 sang tội "Cố ý gây thương tích" được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra cũng xác định Hà Văn S có hành vi trộm cắp 01 bao tải lúa có trọng lượng 27 kg, Hội đồng định giá huyện Tân Sơn định giá bao tải lúa trị giá 189.000đ hành vi này của S không cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" nhưng đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 167/2013/NĐ-Xp, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Hà Văn S về hành vi "Trộm cắp tài sản", đồng thời trả lại cho chị Phan Thị Thúy L số lúa đã bị trộm cắp.

Đối với con dao Hà Văn S đã sử dụng để gây thương tích cho anh T, hiện đã được thu giữ và bảo quản tại Kho vật chứng của Công an huyện T.

Tại phiên tòa Bị hại anh Đoàn Ngọc T đề nghị xử lý S theo quy định của pháp luật và yêu cầu S phải bồi thường về mức độ tổn hại sức khỏe, tiền viện phí, tiền thuốc, tiền công cho người chăm sóc với tổng số tiền là 5.062.000đ và yêu cầu Bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho anh theo quy định của pháp luật.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKSTS ngày 09/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân

huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Hà Văn S về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm q, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Hà Văn S từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 01 tháng 12 năm 2017).

- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Hà Văn S phải bồi thường thiệt hại như anh Đoàn Ngọc T yêu cầu và khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần cho anh T theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (loại dao rựa bằng kim loại có chuôi ằng nhựa) kích thước: chiều dài 41cm, phần lưỡi dao dài 29cm, chỗ rộng nhất 7cm, phần chuôi dao dài 12cm, dao có một lưỡi sắc, dầu bằng).

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã trả cho chị Phan Thị Thúy L 02 bao tải lúa gồm: 01 bao tải sắc rắn màu trắng, bên trong đựng 18kg và 01 bao tải sác rắn màu xanh bên trong đựng 9kg theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 27/12/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Hà Văn S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự có giá ngạch theo số tiền phải bồi thường cho Người bị hại.

4. *Phát biểu của Người bào chữa:* Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với Bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố đối với Hà Văn S và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm q, s khoản 1 Điều 51của Bộ luật hình sự năm 2015 xử Bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định và cũng là mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên. Về trách nhiệm dân sự, Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình trạng bệnh của Bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội và bác yêu cầu bồi thường dân sự của Người bị hại.

Trong quá trình điều tra Kiểm sát viên, Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác

không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không nói gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Người bào chữa cho bị cáo và Người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Trong quá trình điều tra, tại các Biên bản lấy lời khai ngày hồi 20 giờ, hồi 21 giờ 51 phút ngày 29/11/2017(có sự tham gia của chị Hà Thị NLC6 là vợ của bị cáo S), ngày 30/11/2017 và Biên bản hỏi cung ngày 02/12/2017 bị cáo S đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa và một số Biên bản hỏi cung trong quá trình điều tra, khi được hỏi về lý lịch, nhân thân, diễn biến hành vi, Bị cáo trả lời không rõ ý, có câu trả lời được, có câu hỏi Bị cáo không nhớ để trả lời. Biểu hiện thần thái bị cáo không bình thường, tự nói lảm nhảm không thành lời, mắt luôn nhìn xuống đất, chân tay run.

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 98/2018/PYTT ngày 09/01/2018 của trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc đã kết luận: Bị cáo Hà Văn S bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paranoid; Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 29/11/2017 và hiện tại Hà Văn S bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paranoid, hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Theo quy định tại Điều 13 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cũng như Điều 21 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Kết luận pháp y tâm thần thì bị cáo S không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Hà Văn S khai báo không đầy đủ về hành vi phạm tội của mình nhưng căn cứ vào lời khai các ngày 29, 30/11/2017, ngày 01/12/2018 của Bị cáo S, các lời khai này phù hợp với lời khai của Người bị hại, Người có quyền lợi liên quan, Người làm chứng cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 29/11/2017, tại nhà ở của Hà Văn S, khi Tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã V do anh Đoàn Ngọc T – Trưởng ban Công an xã là Tổ

trưởng đến nhà giao giấy báo yêu cầu S đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã V làm việc. Hà Văn S đã dùng 01 con dao (loại dao rựa bằng kim loại có chuôi bằng nhựa) chém vào vùng thái dương đỉnh trái của anh Đoàn Ngọc T trong khi anh T đang thi hành công vụ, làm anh T bị chảy máu nhiều phải đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện T. Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 266/TgT/2017/GĐPY ngày 18/12/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Phú Thọ thì anh Đoàn Ngọc T bị tổn hại 18% sức khỏe. Theo quy định tại điểm c tiểu mục 2.2 mục 2 phần I của Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự thì bị cáo S dùng dao chém gây thương tích cho anh T là dùng hung khí nguy hiểm.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi của Hà Văn S phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại khoản 2 Điều 104 quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

a, Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

...

k, Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm."

Tại điểm đ khoản 2 Điều 134 quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a, Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây hại cho nhiều người;

...

k, Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm."

a,...

...

đ, Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này".

So sánh về mức hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 với khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì khoản 2 Điều 134 quy định có lợi hơn cho Bị cáo. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo Hà Văn S theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội*: Hành vi của bị cáo Hà Văn S đã gây tổn hại về sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trong xã hội tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng và bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho anh T nhằm mục đích cản trở việc thi hành công vụ của anh T đây là 02 tình tiết thuộc điểm a, điểm k khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hậu quả làm anh T bị tổn hại 18% sức khỏe. Vì vậy cần xử phạt Bị cáo thật nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà Bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với Bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Mặc dù tại một số Biên bản hỏi cung của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T và tại phiên tòa, bị cáo khai không đầy đủ hoặc trả lời các câu hỏi không trùng khớp nhau, xong ở một số Biên bản lấy lời khai khi nhớ được Bị cáo khai thành khẩn, đầy đủ các câu hỏi của Điều tra viên và có thái độ ăn năn hối cải; Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 98/2018/PYTT ngày 09/01/2018 của trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc thì Bị cáo Hà Văn S bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paranoid; tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 29/11/2017 và hiện tại (ngày 09/01/2018) Hà Văn S bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paranoid, hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Do đó, cần cho Bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội trong tình trạng hạn chế khả năng nhận thức và khả

năng điều khiển hành vi. Do đó cần xử Bị cáo hình phạt tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Đề nghị của Người bào chữa về hình phạt đối với Bị cáo là phù hợp và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, anh T yêu cầu S phải bồi thường tiền viện phí, tiền thuốc, công người chăm sóc với số tiền 5.062.000đ và tổn thất tinh thần cho anh theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của anh T là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 590 của Bộ luật dân sự, Mục 1 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2007 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, buộc Bị cáo phải bồi thường cho anh T các thiệt hại bao gồm: Tiền thuốc theo hóa đơn, viện phí = 2.762.000đ; Tiền thuê xe ô tô đi và ra viện 600.000đ; Tiền công nghỉ việc (thu nhập thực tế bị mất) của người chăm sóc là 10 ngày x 170.000đ = 1.700.000đ.

Về khoản tiền để bù đắp tổn thất về tình thần, Hội đồng xét xử thấy rằng Bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của anh T gây tổn hại 18% nên cần buộc Bị cáo phải bồi thường cho anh T từ là 04 đến 05 lần mức lương cơ sở (mức lương cơ sở Nhà nước quy định hiện nay là 1.300.000đ/1tháng), tương đương số tiền từ 5.200.000đ đến 6.500.000đ là phù hợp.

Người bào chữa cho Bị cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu về bồi thường thiệt hại của Người bị hại là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án là con dao rựa Bị cáo dùng để gây thương tích cho anh T, đây là công cụ phạm tội và là vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí:

Bị cáo S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bào chữa, Người bị hại, Người có quyền lợi ích liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội:

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

- Tuyên bố bị cáo Hà Văn S phạm tội "*Cố ý gây thương tích"*.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn S 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 01 tháng 12 năm 2017).

3.Về vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hà Văn S phải bồi thường thiệt hại cho anh Đoàn Ngọc T các thiệt hại như sau:

+ Tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế là 2.762.000đ (Hai triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng);

+ Tiền thuê xe ô tô đi và ra viện là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng);

+ Thu nhập thực tế của người chăm sóc trong thời gian điều trị là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

+ Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 04 (bốn) lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, cụ thể số tiền là 04 x 1.300.000đ = 5.200.000đ (năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền Bị cáo S phải bồi thường cho anh Tú là 10.262.000đ (Mười triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, Bị cáo S chậm trả tiền cho anh T mà anh T có đơn yêu cầu thi hành án thì Bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (loại dao rựa bằng kim loại có chuôi ằng nhựa) kích thước: chiều dài 41cm, phần lưỡi dao dài 29cm, chỗ rộng nhất 7cm, phần chuôi dao dài 12cm, dao có một lưỡi sắc, dầu bằng) của bị cáo S. Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 12/02/2018.

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã trả cho chị Phan Thị Thúy L 02 bao tải lúa gồm: 01 bao tải sắc rắn màu trắng, bên trong đựng 18kg và 01 bao tải sác rắn màu xanh bên trong đựng 9kg theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 27/12/2017.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Hà Văn S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 513.100đ (Năm trăm mười ba nghìn một trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo S phải nộp 713.100đ (bảy trăm mười ba nghìn một trăm đồng) tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bào chữa, Người bị hại, Người có quyền lợi, NLC1 vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- Trại tạm giam;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai